TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2020/DS-ST Ngày 18-02-2020 V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp góp hụi và hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Hồng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trương Văn A; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Võ Thị K; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Hồng T trình bày: Vợ chồng ông Trương Văn A, bà Võ Thị K cùng bà và các thành viên khác cho tham gia góp hụi tập thể. Ngày 29 tháng 3 năm 2016 âm lịch, bà có tham gia chơi 01 chân hụi trong dây hụi 12 chân, trong đó hụi sống đóng 04 chỉ vàng 24k và hụi chết đóng 05 chỉ vàng 24k. Dây hụi này mỗi năm khui 02 lần (ngày 15/9 và 15/3 hàng năm) và đến ngày 15 tháng 9 năm 2021 mãn hụi. Ngày 15 tháng 9 năm 2016 vợ chồng ông A, bà K đã hốt hụi và

tiếp tục đóng hụi đến ngày 15 tháng 3 năm 2019 thì không đống hụi chết nữa cho đến nay.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, vợ chồng ông A, bà K có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 700.000 đồng/tháng cho tổng số tiền vay. Vợ chồng ông A, bà K đóng lãi đến ngày 16 tháng 02 năm 2019 thì không đóng nữa, thời gian đống lãi bà xác định là 11 tháng với số tiền đã đống là 7.700.000 đồng. Ngày 20/4/2019, vợ chồng ông A, bà K đã rời khỏi địa phương nhưng không thông báo cho bà biết là vợ chồng đi đâu.

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2019, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông A, bà K trả 05 chỉ vàng mà vợ chồng ông bà phải đóng hụi và 31.400.000 đồng tiền vay. Tại biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 01 năm 2020 và tại phiên tòa bà T rút yêu cầu trả 05 chỉ vàng 24k vì chưa đến kỳ hốt hụi nên chưa phát sinh nghĩa vụ của bị đơn với bà. Bà tiếp tục yêu cầu vợ chồng ông A, bà K trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng tiền vốn đã vay và yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay đến ngày 16 tháng 02 năm 2020 theo quy định pháp luật có đối trừ số tiền lãi đã đống trước đó.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vợ chồng ông Trương Văn A, bà Võ Thị K không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đỗ Hồng T khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trương Văn A, bà Võ Thị K trả số tiền nợ phát sinh từ giao dịch góp hụi và hợp đồng vay tài sản nên tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp góp hụi và hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 16 tháng 3 năm 2018, bị đơn vợ chồng ông A, bà K cung cấp địa chỉ là ấp 03, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Hiện nay tuy không xác định được nơi cư trú của vợ chồng ông A, bà K nhưng việc vợ chồng ông bà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Trương Văn A, bà Võ Thị K đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt lần 02 không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt vợ chồng ông A, bà K.

[3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên bà chỉ rút yêu cầu liên quan đến tranh chấp góp hụi và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự,

[4] Xét yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn: Theo giấy vay tiền ngày 16 tháng 3 năm 2018 âm lịch mà bà T xuất trình, giữa bà T và vợ chồng ông A, bà K có xác lập quan hệ vay tiên trong đó vợ chồng ông A, bà K vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 700.000 đồng/tháng, tương đương 2,33%/tháng và không xác định thời hạn trả. Nguyên đơn chứng minh khoảng tiền vay này bằng "GIẤY VAY TIỀN" ngày 16/3/2018 có chữ ký nhận của các bên. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hoa là người chứng kiến việc vay tiền của các bên thừa nhận có biết việc vay tiền của bị đơn đối với nguyên đơn cũng như chứng kiến việc giao kết giấy nhận nợ và số tiền mà các bên đã giao nhận như nguyên đơn trình bày. Bà T thừa nhận vợ chồng ông A, bà K đã trả tiền lãi đến ngày 16 tháng 02 năm 2019 và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến ngày 16 tháng 02 năm 2020 theo mức lãi suất do pháp luật quy định, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Tuy nhiên mức lãi suất hai bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định là 20%/năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng bị đơn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận việc vay tiền giữa các bên là thực tế có xảy ra, cần áp dụng khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc vợ chồng ông A, bà K trả cho bà T số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng x 20%/năm x 23 tháng (tính từ ngày 16/3/2018 đến 16/2/2020) = 11.500.000 đồng. Số tiền lãi bị đơn đã đống từ ngày 16/3/2018 đến 16/2/2019 là 7.700.000 đồng. Như vậy đối trừ tiền lãi còn phải trả là 3.800.000 đồng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông A, bà K phải chịu là 33.800.000 đồng x 5% = 1.690.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 196, khoản 1 Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự; a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Trương Văn A, bà Võ Thị K trả cho bà Đỗ Hồng T số tiền 33.800.000 (ba mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng; trong đó bao gồm 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền gốc và 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu trả tiền góp hụi của bà Đỗ Hồng T.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Trương Văn A, bà Võ Thị K phải chịu 1.690.000 (một triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Đỗ Hồng T 1.256.000 (một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003387 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp